

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 29

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Thanh	Ủy viên
Ông Bùi Minh Tiến	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 11 tháng 12 năm 2013)
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Minh Tiến	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2013)
Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2013)
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Tiến Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Bùi Minh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.902.589.845.167	2.194.051.830.328
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.348.182.799.062	1.806.395.507.498
1. Tiền	111		228.182.798.962	601.771.824.951
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.120.000.000.100	1.204.623.682.547
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.166.316.837	11.770.945.402
1. Phải thu khách hàng	131		8.415.608.396	7.106.006.600
2. Trả trước cho người bán	132		8.584.991.886	2.778.766.170
3. Các khoản phải thu khác	135	6	26.165.716.555	1.886.172.632
III. Hàng tồn kho	140	7	417.469.220.065	218.950.380.811
1. Hàng tồn kho	141		431.235.503.564	228.594.509.973
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.766.283.499)	(9.644.129.162)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.771.509.203	156.934.996.617
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	21.010.745.771	13.554.673.051
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.312.676.998	138.756.279.370
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	9.448.086.434	4.624.044.196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		11.312.419.767.801	12.638.840.201.285
I. Tài sản cố định	220		11.150.078.616.602	12.436.315.480.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	11.145.959.886.333	12.435.285.722.184
- Nguyên giá	222		13.380.971.704.077	13.348.710.434.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.235.011.817.744)	(913.424.712.532)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	410.716.670	653.331.478
- Nguyên giá	228		770.105.114	814.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(359.388.444)	(160.948.522)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.708.013.599	376.427.272
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.150.000.000	17.064.609.120
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	25.150.000.000	20.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(3.335.390.880)
III. Tài sản dài hạn khác	260		137.191.151.199	185.460.111.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	137.191.151.199	185.460.111.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.215.009.612.968	14.832.892.031.613

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10.781.207.935.171	11.561.354.942.851
I. Nợ ngắn hạn	310		2.202.989.112.216	1.737.339.077.210
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.369.602.430.181	-
2. Phải trả người bán	312	15	388.834.919.512	286.764.431.090
3. Người mua trả tiền trước	313		71.834.979.878	6.317.610.880
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.764.508.857	1.504.171.354
5. Phải trả người lao động	315		55.699.874.474	29.300.721.930
6. Chi phí phải trả	316	17	82.637.148.718	285.031.685.365
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	206.692.764.607	1.101.448.076.705
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		25.922.485.989	26.972.379.886
II. Nợ dài hạn	330		8.578.218.822.955	9.824.015.865.641
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	-	9.824.015.865.641
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	8.568.575.901.609	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		9.642.921.346	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		3.433.801.677.797	3.271.537.088.762
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	3.433.801.677.797	3.271.537.088.762
1. Vốn điều lệ	411		3.198.074.222.829	3.198.074.222.829
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	73.462.865.933
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		235.727.454.968	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		14.215.009.612.968	14.832.892.031.613

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	108.893.492.977
2. Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ (USD)	50.617,13	-


 Đinh Như Cường
 Người lập biểu


 Lê Ngọc Minh Trí
 Kế toán trưởng


 Bùi Minh Tiến
 Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	6.314.513.698.887	4.076.181.767.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	54.879.361.844	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	6.259.634.337.043	4.076.181.767.442
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	5.082.871.032.203	2.967.939.890.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.176.763.304.840	1.108.241.876.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	127.974.502.440	32.104.995.150
7. Chi phí tài chính	22	25	579.407.121.631	291.722.625.174
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		432.255.586.017	282.743.895.137
8. Chi phí bán hàng	24		136.892.467.985	42.651.040.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		99.694.329.473	75.676.948.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		488.743.888.191	730.296.257.550
11. Thu nhập khác	31		46.794.012.345	10.761.959.943
12. Chi phí khác	32		9.966.188.855	4.387.140.316
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	36.827.823.490	6.374.819.627
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		525.571.711.681	736.671.077.177
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	349.679.193	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		525.222.032.488	736.671.077.177

Đinh Như Cường
Người lập biểuLê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng
Bùi Minh Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	525.571.711.681		736.671.077.177	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.324.144.844.161		913.585.661.054	
- Các khoản dự phòng	03	786.763.457		12.979.520.042	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	124.974.423.514		-	
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(126.022.181.818)		(31.953.155.035)	
- Chi phí lãi vay	06	432.255.586.017		282.743.895.137	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.281.711.147.012		1.914.026.998.375	
Thay đổi các khoản phải thu	09	43.832.556.322		(144.257.313.094)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(202.640.993.591)		(228.594.509.973)	
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi vay phải trả)	11	286.970.610.902		393.850.949.792	
Thay đổi chi phí trả trước	12	46.152.592.212		133.809.162.241	
Tiền lãi vay đã trả	13	(652.751.654.810)		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(296.820.359)		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.802.977.437.688		2.068.835.287.341	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(41.056.555.974)		(13.742.187.429)	
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.750.000.000)		(20.400.000.000)	
3. Thu lãi tiền gửi	27	121.413.814.195		30.233.467.103	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	75.607.258.221		(3.908.720.326)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(687.899.225.000)		-	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(648.898.179.345)		(285.483.516.809)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.336.797.404.345)		(285.483.516.809)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	541.787.291.564		1.779.443.050.206	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.806.395.507.498		26.952.457.292	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.348.182.799.062		1.806.395.507.498	

M. Cường

Đình Như Cường
 Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2014

L. Ngọc Minh Trí

Lê Ngọc Minh Trí
 Kế toán trưởng



B. Minh Tiến
Bùi Minh Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 ngày 24 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 789 (31 tháng 12 năm 2012: 736).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, phân phối phân bón, sản phẩm hóa chất dầu khí.
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.
- Đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có liên quan đến phân bón và hóa chất dầu khí.
- Các dịch vụ trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất dầu khí khác có liên quan.
- Kinh doanh các hoạt động vận tải, kho bãi, đầu tư tài chính, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư số 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

T. C
V. U
A. U
V. U
T. C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Cà Mau mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Do Nhà máy Đạm Cà Mau mới chính thức đưa vào vận hành thương mại nên Công ty chưa trích trước chi phí sửa chữa.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy vi tính	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí thành lập, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Cà Mau được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ ngày Công ty chính thức vận hành thương mại (ngày 24 tháng 4 năm 2012), phù hợp với thời gian sử dụng vật tư, phụ tùng dự phòng theo Hợp đồng số 168/2008-F/CPMB-WEC-CMC ngày 06 tháng 5 năm 2008 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Liên doanh nhà thầu Công ty Thiết kế Vũ Hán - Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Máy móc Thiết bị Trung Quốc về việc “Thiết kế, mua sắm, xây dựng, vận hành, chạy thử và bàn giao nhà máy Đạm Cà Mau”.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Công ty nhận bàn giao từ Ban quản lý Dự án khí - điện - đạm Cà Mau (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) các chi phí đền bù, chi phí đào tạo, thiết bị, công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện vốn hóa là tài sản cố định, với giá trị là 331.481.876.463 VND. Các chi phí nhận bàn giao này nằm trong giá trị Nhà máy Đạm Cà Mau đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận giao cho Công ty theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Các chi phí nhận bàn giao này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) đến ba (03) năm kể từ ngày Công ty chính thức vận hành thương mại (ngày 24 tháng 4 năm 2012).

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) đến ba (03) năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Đất đai: được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.

- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm. Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính, Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	647.313.279	172.682.361
Tiền gửi ngân hàng	227.535.485.683	601.599.142.590
Các khoản tương đương tiền (*)	2.120.000.000.100	1.204.623.682.547
	<u>2.348.182.799.062</u>	<u>1.806.395.507.498</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty có kỳ hạn không quá ba tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hỗ trợ vốn cho Ban Quản lý Dự án Khí - điện - đạm Cà Mau của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	19.718.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	6.328.055.555	1.719.687.932
Phải thu khác	119.661.000	166.484.700
	<u>26.165.716.555</u>	<u>1.886.172.632</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng đi đường	33.939.050.221	-
Nguyên liệu, vật liệu	90.470.717.859	58.113.400.073
Công cụ, dụng cụ	-	222.622.467
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165.950.670.622	104.235.350.851
Thành phẩm	52.150.483.240	66.023.136.582
Hàng hóa gửi bán	88.724.581.622	-
	<u>431.235.503.564</u>	<u>228.594.509.973</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.766.283.499)	(9.644.129.162)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>417.469.220.065</u>	<u>218.950.380.811</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau	14.495.303.607	13.101.327.946
Chi phí chất xúc tác HALODTOPSOE HTZ	2.947.839.435	-
Chi phí mở rộng thiết bị mạng và gia hạn phần mềm	1.178.417.419	-
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ trong 1 năm	2.389.185.310	453.345.105
	<u>21.010.745.771</u>	<u>13.554.673.051</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	1.158.130.238	310.000.000
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.289.956.196	4.314.044.196
	<u>9.448.086.434</u>	<u>4.624.044.196</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BẢNG CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Tại ngày 01/01/2013	3.117.568.070.064	10.167.561.909.116	18.245.873.567	32.530.584.840	12.803.997.129	13.348.710.434.716						
Mua trong năm	21.667.681.863	8.430.174.818	1.052.280.910	5.633.332.970	337.700.000	37.121.170.561						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	2.707.259.091	2.707.259.091						
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(1.337.679.232)	(46.950.000)	(6.129.402.787)	(53.128.272)	(7.567.160.291)						
Tại ngày 31/12/2013	3.139.235.751.927	10.174.654.404.702	19.251.204.477	32.034.515.023	15.795.827.948	13.380.971.704.077						

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	210.617.543.355	697.677.662.107	4.681.348.331	406.221.140	41.937.599	913.424.712.532
Khấu hao trong năm	292.474.538.082	1.017.850.266.689	4.146.296.945	6.963.817.759	2.462.564.248	1.323.897.483.723
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	-	(259.597.085)	(24.408.071)	(2.013.817.021)	(12.556.334)	(2.310.378.511)
Tại ngày 31/12/2013	503.092.081.437	1.715.268.331.711	8.803.237.205	5.356.221.878	2.491.945.513	2.235.011.817.744

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	2.636.143.670.490	8.459.386.072.991	10.447.967.272	26.678.293.145	13.303.882.435	11.145.959.886.333
Tại ngày 31/12/2012	2.906.950.526.709	9.469.884.247.009	13.564.525.236	32.124.363.700	12.762.059.530	12.435.285.722.184

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Pầu tư xây dựng Nhà máy Đạm Cà Mau" để thế chấp cho khoản vay tại các Ngân hàng. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 11.100.209.967.452 VND.

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.015.840.949 VND (31 tháng 12 năm 2012: 0 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	151.000.000	663.280.000	814.280.000
Mua trong năm	-	87.668.750	87.668.750
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	(71.000.000)	(60.843.636)	(131.843.636)
Tại ngày 31/12/2013	<u>80.000.000</u>	<u>690.105.114</u>	<u>770.105.114</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	29.329.755	131.618.767	160.948.522
Khấu hao trong năm	37.119.444	210.240.994	247.360.438
Phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45	(34.119.453)	(14.801.063)	(48.920.516)
Tại ngày 31/12/2013	<u>32.329.746</u>	<u>327.058.698</u>	<u>359.388.444</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>47.670.254</u></u>	<u><u>363.046.416</u></u>	<u><u>410.716.670</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>121.670.245</u></u>	<u><u>531.661.233</u></u>	<u><u>653.331.478</u></u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	77,03	77,03	Sản xuất bao bì

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC), Công ty nắm giữ 2.515.000 cổ phần, tương đương 77,03% vốn điều lệ của PPC.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí bàn giao không đủ tiêu chuẩn vốn hóa (i)	85.733.650.807	173.585.751.390
Giá trị phụ tùng, vật tư thay thế chờ phân bổ	35.454.704.562	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	14.583.168.888	10.869.962.273
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ lớn hơn 1 năm	1.419.626.942	1.004.397.568
	<u><u>137.191.151.199</u></u>	<u><u>185.460.111.231</u></u>

(i) Công ty nhận bàn giao từ Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) các chi phí đền bù, chi phí đào tạo, thiết bị, công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện vốn hóa là tài sản cố định, với giá trị là 331.481.876.463 VND. Các chi phí nhận bàn giao này nằm trong giá trị Nhà máy Đạm Cà Mau đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận giao cho Công ty theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty phân bổ các chi phí này trong vòng 3 năm kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2012 (ngày bắt đầu vận hành thương mại của Nhà máy Đạm Cà Mau).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 19)		
Nhóm các Ngân hàng: BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc	463.540.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	431.987.430.181	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	474.075.000.000	-
	<u>1.369.602.430.181</u>	<u>-</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	226.320.375.741	196.949.607.527
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	60.799.643.470	39.176.167.689
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	16.162.339.160	7.277.424.000
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí	5.380.730.620	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.081.411.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.128.275.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	840.679.696	672.741.331
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	439.231.356	10.804.164.956
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	4.262.203.000
Các bên liên quan khác	2.669.398.533	1.635.653.805
Phải trả các người bán khác		
Công ty Cổ phần F.A	17.466.163.623	4.388.814.768
Công ty TNHH Nguyễn Phan	10.429.894.110	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận Tải Đóng Gói Sài Gòn	8.267.451.037	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	5.411.098.355	3.839.271.260
Công ty GE OIL & GAS NUOVO PIGNONE SPA VIA FELICE	2.856.610.951	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn Châu	2.384.666.600	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phước	657.533.150	1.783.474.000
Doanh nghiệp Tư nhân Hơi Kỹ nghệ Tân Tân	139.019.600	1.735.816.918
Các đối tượng khác	25.400.397.010	14.239.091.836
	<u>388.834.919.512</u>	<u>286.764.431.090</u>

Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phản ánh khoản tiền Công ty mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước của Tập đoàn theo Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	13.996.325.068	13.996.325.068	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.504.171.354	11.730.095.296	12.507.638.036	726.628.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	349.679.193	296.820.359	52.858.834
Thuế tài nguyên	-	376.254.720	345.720.960	30.533.760
Thuế nhập khẩu	-	3.886.294.136	2.931.806.487	954.487.649
Thuế khác	-	126.840.840	126.840.840	-
	<u>1.504.171.354</u>	<u>30.465.489.253</u>	<u>30.205.151.750</u>	<u>1.764.508.857</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	62.247.826.344	282.743.895.137
Trích trước chi phí an sinh xã hội	11.307.356.809	-
Chiết khấu thương mại phải trả	8.681.965.565	-
Trích trước chi phí vật tư	-	1.653.790.228
Khác	400.000.000	634.000.000
	<u>82.637.148.718</u>	<u>285.031.685.365</u>

Theo Quyết định số 93/QĐ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 30 tỷ VND để thực hiện chương trình an sinh xã hội của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 11.307.356.809 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	173.683.639.544	753.500.252.971
Thuế giá trị gia tăng đầu vào từ mua khí trong giai đoạn trước khi chính thức vận hành thương mại	69.617.285.554	69.617.285.554
Nhận bàn giao phụ tùng, vật tư	97.158.438.176	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	682.134.276.007
Các khoản khác	6.907.915.814	1.748.691.410
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	346.317.687.583
Lợi nhuận phải trả	-	340.645.307.958
Phí bảo lãnh khoản vay	-	5.598.697.616
Các khoản khác	-	73.682.009
Phải trả Cục quản lý nợ và tài chính đối ngoại-Bộ Tài chính	9.100.484.237	-
Phí bảo lãnh khoản vay	9.100.484.237	-
Quỹ thưởng an toàn năm 2013 (*)	20.261.425.858	-
Kinh phí công đoàn	1.609.554.177	1.149.515.034
Tiền lương cán bộ làm việc tại Venezuela	1.180.985.270	-
Phải trả khác	856.675.521	480.621.117
	<u>206.692.764.607</u>	<u>1.101.448.076.705</u>

(*) Theo Công văn số 3514/LĐT BXH-LĐT L ngày 16 tháng 9 năm 2013 về việc thưởng an toàn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty đã trích lập quỹ thưởng an toàn để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ thưởng an toàn là công nhân, nhân viên của Nhà máy Đạm Cà Mau, với số tiền là 20.261.425.858 VND.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn), từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các Hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty đã phân loại lại các khoản vay từ khoản phải trả dài hạn khác với số tiền 9.824.015.865.641 VND sang vay dài hạn. Số dư các hợp đồng tín dụng như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	9.938.178.331.790	-
Nhóm các Ngân hàng: BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)	4.635.400.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	3.023.807.151.044	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (iii)	2.278.971.180.746	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.369.602.430.181	-
Nhóm các Ngân hàng: BNP Paribas, Ngân hàng Credit Agricole, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc.	463.540.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	431.987.430.181	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	474.075.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>8.568.575.901.609</u>	<u>-</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng ECA giữa nhóm cho vay là các Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc và Ngân hàng Credit Agricole với bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, với số gốc vay là 220.000.000 USD, ký ngày 15 tháng 9 năm 2011, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 7 năm 2012. Lãi suất nợ trong hạn là LIBOR 6 tháng; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh dư nợ vay. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.

(ii) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số HĐTĐĐT-CM/PV-VIETINBANK2009 ngày 25 tháng 9 năm 2009 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), với số gốc vay là 220.000.000 USD, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả nợ gốc là 90 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) bằng lãi suất huy động tiết kiệm Đô la Mỹ kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau của Vietinbank cộng (+) 2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn cộng 1%/năm. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh dư nợ vay. Lãi vay được trả 6 tháng/lần.

(iii) Khoản vay của Tập đoàn theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2010HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 6 năm 2010 giữa bên vay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với bên cho vay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), với số tiền gốc vay là 180.000.000 USD, với mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Đạm Cà Mau. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn ân hạn. Lãi suất nợ trong hạn (tính trên dư nợ trong hạn) là 6,0%/năm đối với các khoản vay bằng Đô la Mỹ và 9,6%/năm đối với các khoản vay bằng Việt Nam Đồng. Lãi vay trả hàng tháng trên dư nợ vay, bắt đầu trả lãi từ khi phát sinh dư nợ vay. Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 150%/năm lãi suất nợ trong hạn.

Tập đoàn đã thế chấp giá trị tài sản cố định bao gồm nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị của Nhà máy Đạm Cà Mau để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.369.602.430.181	682.134.276.007
Trong năm thứ hai	1.369.584.953.500	1.353.854.552.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.017.351.041.164	4.061.563.656.040
Sau năm năm	3.181.639.906.945	4.408.597.657.587
Cộng	9.938.178.331.790	10.506.150.141.648
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	1.369.602.430.181	682.134.276.007
Số phải trả sau 12 tháng	8.568.575.901.609	9.824.015.865.641

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	39.000.000.000	-	(2.042.417.851)	36.957.582.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	736.671.077.177	736.671.077.177
Nhận vốn góp trong năm	3.159.074.222.829	-	-	3.159.074.222.829
Tạm phân phối quỹ	-	73.462.865.933	(73.462.865.933)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(35.036.968.626)	(35.036.968.626)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(285.483.516.809)	(285.483.516.809)
Phải trả lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(340.645.307.958)	(340.645.307.958)
Số dư tại ngày 01/01/2013	3.198.074.222.829	73.462.865.933	-	3.271.537.088.762
Lợi nhuận trong năm	-	-	525.222.032.488	525.222.032.488
Phân loại lại các quỹ	-	(73.462.865.933)	73.462.865.933	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(53.519.614.110)	(53.519.614.110)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ (ii)	-	-	(308.252.871.387)	(308.252.871.387)
Giảm khác	-	-	(1.184.957.956)	(1.184.957.956)
Số dư tại ngày 31/12/2013	3.198.074.222.829	-	235.727.454.968	3.433.801.677.797

- (i) Trong năm, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với số tiền là 53.519.614.110 VND theo Quy chế tài chính của Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 3860/QĐ-DKVN ngày 05 tháng 5 năm 2011.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã tạm nộp về Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 70% lợi nhuận năm 2013 sau khi đã trích các quỹ với số tiền là 308.252.871.387 VND.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 1 số 2001012298 ngày 14 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 39.000.000.000 VND. Chủ sở hữu của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tại 31 tháng 12 năm 2013, tổng số tiền góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 3.198.074.222.829 VND.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu Ure	5.998.081.230.756	3.949.139.225.506
Doanh thu Amoniac	118.613.501.044	57.284.852.927
Doanh thu hàng thương mại	195.316.288.731	69.757.689.009
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.072.441.214	-
Doanh thu khác	430.237.142	-
	6.314.513.698.887	4.076.181.767.442
Chiết khấu thương mại	54.879.361.844	-
	6.259.634.337.043	4.076.181.767.442

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn Ure	4.800.144.046.370	2.862.625.071.592
Giá vốn Amoniac	82.183.767.653	27.070.327.554
Giá vốn hàng thương mại	195.104.853.394	68.600.362.202
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.316.210.449	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.122.154.337	9.644.129.162
	<u>5.082.871.032.203</u>	<u>2.967.939.890.510</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.395.822.055.273	1.987.772.338.183
Chi phí nhân công	263.416.353.655	165.064.297.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.324.144.844.161	913.585.661.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.671.951.130	64.696.714.735
Chi phí bằng tiền khác	82.986.754.944	49.562.201.615
	<u>5.295.041.959.163</u>	<u>3.180.681.212.782</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	126.022.181.818	31.953.155.035
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.952.320.622	151.840.115
	<u>127.974.502.440</u>	<u>32.104.995.150</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	432.255.586.017	282.743.895.137
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.974.423.514	-
Phí bảo lãnh	19.924.493.418	5.598.697.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.488.184.082	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.335.390.880)	3.335.390.880
Khác	99.825.480	44.641.541
	<u>579.407.121.631</u>	<u>291.722.625.174</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế phẩm	46.286.355.403	10.733.087.815
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	507.656.942	28.872.128
Thu nhập khác	46.794.012.345	10.761.959.943
Giá trị phế phẩm xuất bán	9.371.938.749	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	177.081.111	-
Khấu hao tài sản cố định nhận từ Ban Quản lý	-	3.505.300.211
Chi phí khác	417.168.995	881.840.105
Chi phí khác	9.966.188.855	4.387.140.316
Lợi nhuận khác	36.827.823.490	6.374.819.627

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	525.360.276.344	211.435.337	525.571.711.681
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế			
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	525.360.276.344	211.435.337	525.571.711.681
Thuế suất thông thường	10%	25%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	52.858.834	52.858.834
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	-	296.820.359	296.820.359
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	349.679.193	349.679.193

Theo Công văn số 4641/TCT-CS của Tổng Cục thuế ngày 02 tháng 12 năm 2008 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả lời về việc ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do vẫn trong thời gian ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán kí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty sẽ mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46 - Cái Nước từ Tập đoàn trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành chính thức, với sản lượng 457,38 triệu m³ khí tiêu chuẩn mỗi năm và giá khí mua không thấp hơn mức giá quy định cho năm 2014 là 6,69 USD/tr.BTU và cho năm 2015 là 6,83 USD/tr.BTU.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	9.938.178.331.790	10.506.150.141.648
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.348.182.799.062	1.806.395.507.498
Nợ thuần	7.589.995.532.728	8.699.754.634.150
Vốn chủ sở hữu	3.433.801.677.797	3.271.537.088.762
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>2,21</u>	<u>2,66</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.348.182.799.062	1.806.395.507.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.581.324.951	8.992.179.232
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.289.956.196	4.314.044.196
Tổng cộng	<u>2.391.054.080.209</u>	<u>1.819.701.730.926</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.938.178.331.790	-
Phải trả người bán và phải trả khác	593.918.129.942	11.211.078.858.402
Chi phí phải trả	82.637.148.718	285.031.685.365
Tổng cộng	<u>10.614.733.610.450</u>	<u>11.496.110.543.767</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	9.939.208.414.805	202.946.801.851	6.056.156.710	-
Euro (EUR)	3.348.641.863	-	3.300.302.417	4.314.044.196

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Euro

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(993.315.225.810)	(20.294.680.185)
Euro (EUR)	(4.833.945)	431.404.420

Quản lý rủi ro lãi suất

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các hợp đồng tín dụng ký với các ngân hàng trong và ngoài nước để tài trợ cho dự án Nhà máy Đạm Cà Mau.

Do đó, Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 198.763.566.636 VND (2012: 210.123.002.833 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	200	(198.763.566.636)
VND	-200	198.763.566.636
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VND	200	(210.123.002.833)
VND	-200	210.123.002.833

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Thành viên của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.348.182.799.062	-	2.348.182.799.062
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.581.324.951	-	34.581.324.951
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.289.956.196	-	8.289.956.196
Tổng cộng	2.391.054.080.209	-	2.391.054.080.209
31/12/2013			
Các khoản vay	1.369.602.430.181	8.568.575.901.609	9.938.178.331.790
Phải trả người bán và phải trả khác	593.918.129.942	-	593.918.129.942
Chi phí phải trả	82.637.148.718	-	82.637.148.718
Tổng cộng	2.046.157.708.841	8.568.575.901.609	10.614.733.610.450
Chênh lệch thanh khoản thuần	344.896.371.368	(8.568.575.901.609)	(8.223.679.530.241)
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.806.395.507.498	-	1.806.395.507.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.992.179.232	-	8.992.179.232
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.314.044.196	-	4.314.044.196
Tổng cộng	1.819.701.730.926	-	1.819.701.730.926
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.387.062.992.761	9.824.015.865.641	11.211.078.858.402
Chi phí phải trả	285.031.685.365	-	285.031.685.365
Tổng cộng	1.672.094.678.126	9.824.015.865.641	11.496.110.543.767
Chênh lệch thanh khoản thuần	147.607.052.800	(9.824.015.865.641)	(9.676.408.812.841)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Chủ sở hữu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị cùng chủ sở hữu

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam

Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu của Công ty)

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí

Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công

Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân

phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu

Các đơn vị trong Công ty Cổ phần PVI (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau

Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Các đơn vị trong Tổng Công ty Dầu Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

Các đơn vị trong Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với Công ty)

Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ Thuật An toàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	464.907.757.143	127.523.809.524
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	132.909.523.932	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	6.854.476.190	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.564.939.490	1.222.636.793.228

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: (Tiếp theo)

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.537.366.574.997	1.109.966.387.588
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	286.907.333.409	156.698.305.486
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	153.449.419.475	59.099.090.000
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI - Chi nhánh Cà Mau	50.641.217.170	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần	18.322.593.746	18.977.053.304
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	10.421.947.793	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	10.239.099.133	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ Thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	8.250.522.907	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5.143.080.745	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	4.934.021.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	4.217.920.000	-
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	2.904.107.250	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	2.262.225.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	9.817.980.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	19.172.400.000	-
Phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	226.320.375.741	196.949.607.527
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	60.799.643.470	39.176.167.689
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	16.162.339.160	7.277.424.000
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - Công ty Cổ phần	5.380.730.620	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ An ninh Dầu Khí Việt Nam	840.679.696	672.741.331
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.128.275.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.081.411.500	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	439.231.356	10.804.164.956
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	4.262.203.000
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ	2.201.900.000	871.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan: (Tiếp theo)

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả khác Ban quản lý dự án Khí- Điện-Đạm Cà Mau		
Số tiền vay	-	10.506.150.141.648
Lãi vay phải trả	-	282.743.895.137
Các khoản phải trả khác	173.683.639.544	71.365.976.964
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Lợi nhuận phải trả	-	340.645.307.958
Phí bảo lãnh khoản vay	-	5.598.697.616
Các khoản phải trả khác	-	73.682.009

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2012		Số dư tại ngày 31/12/2012	
	Mã số	trước phân loại lại VND	Phân loại lại VND	sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Chi phí phải trả	316	2.287.790.228	282.743.895.137	285.031.685.365
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.384.191.971.842	(282.743.895.137)	1.101.448.076.705

Đinh Như Cường
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2014

Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng
Bùi Minh Tiên
Tổng Giám đốc